HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV.# _____

VEWL.# _____

I-171: ___Y___ N___

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN (Last) THÁI (Middle) BÌNH (First)

Current Address: 305/19/18 Lê Văn Sĩ Phường 11 Quận Tân Bình Hochiminh City - VN

Date of Birth: 8/31/45 Place of Birth: SAIGON

Previous Occupation (before 1975) (Rank & Position) First lieut.

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/75 To 09/06/83

Years: _____ Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

Name

_____

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOC. P.O. BOX 5435 ARLINGTON, VA 22205-0635

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

_____

_____

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HOCHIMINH CITY, the 18 - 7 1988

To : The Director of the O.D.P
127 Soi Tien Siang, South Sathorn Road
BANGKOK 10120 THAILAND

Subject : Request for immigration to the United States of American under the Orderly Departure Program

Dear Sir,

I undersigned : NGUYÊN - THÁI - BÌNH
Date and Place of birth : 31 - 8 - 1945 ... Sàigòn .....
Nationality : Việt Nam ..... Sex : Nam ....
Family status : Có Vợ .....
Education : Tú Tài I .....

Before April 30th, 1975 :

Rank : Trung Úy .... Military number : 65/131674 ..
Occupation : Trung Đội Trưởng Truyền Tin Trung Đoàn 52
Unit : Trung Đoàn 52 Sư Đoàn 18 Bộ binh
Reference : Xuân Lộc - Long Khánh .....

After April 30th, 1975 :

Re-education in Detention Camp from 1975
Released from ..... Camp on ..... 19 ...

Due to difficulty of my situation and based on the authority of your organization and the spirit of humanitarian act, I wish to request your assistance and intervention with the Government of the Republic Socialist of Vietnam, in order your arrangement and protection under the Orderly Departure Program to immigrate to the U.S.A. for the purpose of seeking a new life.

Following are relatives to be evacuated with me to the USA:

Full name	Date of birth	Sex	Relationship	Address
Phạm Thị Liên	20 - 11 - 1951	Nữ	Vợ	305/19/18 Lê Văn Sĩ Quận Tân Bình Phường 11
Nguyễn Thị Ngọc Mai	30 - 12 - 1978	Nữ	Con	305/19/18 Lê Văn Sĩ Phường 11 Quận Tân Bình
Nguyễn Ngọc Huy	17 - 10 - 1984	Nam	Con	305/19/18 Lê Văn Sĩ Phường 11 Quận Tân Bình

Your consideration on the above to help me through your humanitarian act will be highly appreciated.

Enclosed here : Respectfully yours,

- 01 O.D.P. Questionnaire.

QUESTIONNAIRE FOR THE ODP APPLICANT

Câu hỏi cho người nộp đơn.

Date . 18 - 7 - 1988. .
Ngày

A - Basic Identification Data :
Lý lịch căn bản

1. Name : Nguyễn - Thái Bình . . .
Họ, tên
2. Other names : . . . . . .
Họ. tên khác
3. Date, Place of birth : 31 - 8 - 1945 . . Sài gòn . . . . . .
Ngày, Nơi sinh
4. Residence address : 27/160/7a Huỳnh Tịnh Của . phường 13. Quận Ba. Thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ thường trú
5. Mailing address : 305/19/18 Lê Văn Sỹ phường 14 Quận Tân Bình . . .
Địa chỉ thư tín
6. Current occupation : Thất nghiệp . . . . . .
Nghề nghiệp hiện nay

B - Relatives to accompanying me :
Bà con cùng đi với tôi.

NOTE : Your spouse and unmarried children are they only relatives eligible to accompany you. List marital (MS) as follow: Married (M) Divorced (D), Widowed (W), or Single (S)

CHÚ Ý : Vợ chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kê khai tình trạng gia đình như sau: đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ, góa thê (W), hoặc độc thân (S)

Name Họ, tên	Date of birth Ngày sinh	Place of birth Nơi sinh	Sex Phái	M.S Tình trạng gđ	Relationship Liên hệ
Phạm - Thị - Hiền	20 - 11 - 1951	Hà Nam Ninh	Nữ	. . . . .	Vợ . . . .
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . .	. . . . .	. . . . .
Nguyễn Thị Ngọc Mai	30 - 12 - 1978	Sài gòn . .	Nữ	Độc thân (S)	Con . . . .
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . .	. . . . .	. . . . .
Nguyễn Ngọc Huy	17 - 10 - 1984	Sài gòn . .	Nam	Độc thân (S)	Con . . .
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . .	. . . . .	. . . . .
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . .	. . . . .	. . . . .
. . . . .	. . . . .	. . . . .	. . .	. . . . .	. . . . .

NOTE : For the person listed above, we will need eligible copies of birth certificates - marriage certificate (if married), divorce decrees (if divorced) spouse a death certificate (if widowed), Id cards (if available). If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.

CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi chỉ cần 1 bản sao khai sinh, giấy thú (nếu lập gia đình), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ c/c (nếu có) và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung ngụ với bạn hiện tại, xin viết địa chỉ của họ trong phần I.

C - Relatives outside Việt Nam : Họ hàng ở nước ngoài.

1. Closest relatives in the U.S : Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ.
   a) Name : PHẠM - THỊ HIỀN . . . .
   Họ tên
   b) Relationship : . Chị ruột của . Vợ . . .
   Liên hệ gia đình
   c) Address : . . . . . .
   Địa chỉ

2. Closest relatives in other countries :
Bà con thân nhất ở nước khác

. Name : PHAM - TRUNG
Họ, tên
. Relationship : Cháu nội
Liên hệ
. Address : 80 ORENDA crt. #715. BRAMPTON, ONT. L6W-3M9
Địa chỉ CANADA.

D - Complete Family Listing (Living/Dead)
Danh sách đầy đủ gia đình (sống/chết)

	Name Họ, tên	Address Địa chỉ
1. Father Cha	Nguyễn Văn Chung (chết)	
2. Mother Mẹ	Hồ-Thị Nam (sống)	27/46/70 Huyện Tỉnh Quảng P.13. Quận Bình
3. Spouse Vợ/chồng	Phạm Thị Liên (sống)	305/19/18 Lê văn Sỹ P.11 Quận Tân Bình
4. Former Spouse Vợ/chồng trước	(if say)	
5. Children Các con	Nguyễn Thị Ngọc-Mai (sống)	305/19/18 Lê văn Sỹ P.11 Quận Tân Bình
	Nguyễn-Ngọc-Huy (sống)	305/19/18 Lê văn Sỹ P.11 Quận Tân Bình
6. Siblings Anh chị em	Nguyễn Thị Chuyên (sống)	3/16 Tỉnh Quảng Bình. Phú Nhuận
	Nguyễn Thị Hiền (-)	2sta Hoà Bình Trung Q1
	Nguyễn Văn Sinh (sống)	27/46/70 Huyện Tỉnh Quảng P13 Q.Bình
	Nguyễn Thị Phúc (-)	27/46/70 Huyện Tỉnh Quảng P13 Q.Bình

E - Employment by U.S.Government, Agencies other US Organizations by You or your spouse :
Vợ/chồng có làm việc với Chính phủ Hoa-Kỳ, Công Ty hay cơ quan nào khác.

1. Name of Person employed : .....
Họ tên nhân viên

2. Date — From (Từ) / To (Đến)
Ngày tháng
1. ..... : .....
2. ....
3. ....
4. ....

3. Title of (Last) Positions Held.
Chức vụ công việc 1. . . . . .
2. . . . . .
3. . . . . .
4. . . . . .

4. Agencies/Companies/ Offices
Hãng/ Công ty/ Văn phòng 1. . . . . .
2. . . . . .
3. . . . . .
4. . . . . .

5. Name of (Last) Supervisor
Họ tên người Giám thị 1. . . . . .
2. . . . . .
3. . . . . .
4. . . . . .

6. Reason for Leaving
Lý do ra đi 1. . . . . .
2. . . . . .
3. . . . . .
4. . . . . .

7. Training for job in Việt-Nam
Nghề nghiệp Huấn Luyện tại V.N : . . . . . .
. . . . . .

2 - Service with GVN or GVN Ag by you or your spouse :
Bạn hoặc vợ/chồng đã công vụ với Chính phủ V.N

1. Name of Person serving : . Nguyễn. Thái. Bình . . . . . .
Họ tên người tham gia

2. Dates From : . . . . . To : . . . . . .
Ngày, tháng, năm Từ : 20-.10-.1966 . Tới : 15-.9-.1973 .

3. Last Rank : . Trung - Úy . . . . . .
Cấp bậc cuối cùng

4. Ministry/Office/ Military Unit : Trung.Đoàn 52 Sư Đoàn 18. Bộ Binh. . .
Bộ/Sở/Đơn vị/ Binh chủng

5. Name of Supervisor/ C.O : Trung.tá Nguyễn-Bá-Thông . . . . . .
Họ tên người Giám thị/ SQ Chỉ huy

6. Reason for Leaving : . . . . . .
Lý do ra đi

7. Name of American Advisor (s) : . . . . . .
Họ tên Cố Vấn Mỹ

8. U.S Training Course in V.N. : Sĩ quan. tuyển Tân. Binh Đoàn Vũng.Tàu.
Chương trình H.L. tại V.N.

9. U.S Awards or Certificates :
Giấy ban khen hoặc chứng thư do H.K.cấp : . . . . . .

NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or Certificates if available. Available ? Yes _____ No _____
Xin bạn kèm theo bất cứ v

G - Training Outside V.N. for You or Your Spouse
Vợ/chồng có tu nghiệp ở nước ngoài.

1- Name of Student/ Trainee : . . . . . .
Họ tên người du học

2- School and school address : . . . . . .
Tên, địa chỉ trường

3. Date from . . . . . to . . . . . .
Ngày tháng Từ Đến

4. Description of Course : . . . . . .
Nội dung khóa học

H - Re- education of you or your spouse :
Vợ/chồng có đi học tập cải tạo

1. Name of Person in Re-education : Nguyễn Thái Bình. . . . .
Họ, tên người học tập cải tạo

2. Total time in Re-education : .03. years .5. months .5. days
Tổng cộng thời gian học tập năm tháng ngày

I - Any additional Remarks
Ghi chú thêm

- Tôi bị bắt làm tù binh trong thời gian là: 10 tháng 8 ngày
- Tôi đi vượt biên bị bắt và bị giam thời gian: 2 năm 3 tháng
- Địa chỉ tôi và gia đình khác nhau:
  - Tôi: 27/ceo/70 Huỳnh Tịnh Của phường 13 quận Ba T.P. Hồ Chí Minh.
  - Vợ + 2 con: 305/19/18 Lê Văn Sỹ phường 11 Quận Tân Bình T.P. Hồ Chí Minh

Signature
Chữ ký

Nguyễn Thái Bình

Date : . . 1.8. - 7. . . 1988
Ngày tháng

J - Please List he all documents attached to this questionnaire
(release certificate, birth certificate, marriage certificate, etc..
Xin gửi kèm theo Câu hỏi này tất cả tài liệu có (giấy ra trại, giấy khai sinh, hôn thú , v.v...)

Thành phố Hồ Chí Minh 20 - 7 - 1988

Tô Tường Trình

Kính thưa Qúi Vị !

Tôi tên là Nguyễn Thái Bình sanh ngày 31 - 8 - 1945 tại Sài gòn thường trú ngụ tại số 27/40/70 Huỳnh tịnh Của Phường 13 Quận 3 T.P. Hồ Chí Minh. Năm 1966 (31 - 10 - 1966) tôi nhập ngũ vào Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà và được thụ huấn tại trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức, năm 1967 mãn Khoá với cấp bậc chuẩn úy số quân 65/131674 và được bổ sung về Tiểu Đoàn 3 Trung Đoàn 52 thuộc Sư Đoàn 18 Bộ binh giữ chức vụ trung đội trưởng Bộ binh, tháng 6 năm 1968 tôi được đi thụ huấn Khoá Sĩ quan truyền tin binh đoàn tại Trường Truyền Tin Vũng Tàu. mãn Khoá được thuyên chuyển về Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 52 thuộc Sư Đoàn 18BB. với chức vụ Sĩ quan Truyền Tin Tiểu Đoàn.

Ngày 01 - 3 - 1969 tôi được thăng cấp Thiếu úy thực thụ.

Ngày 01 - 3 - 1971 tôi được thăng cấp Trung úy thực thụ.

Ngày 16 - 02 - 1972 thuyên chuyển về Đại đội chỉ huy Công Vụ Trung Đoàn 52 và được bổ nhiệm chức vụ Sĩ Quan Truyền Tin Trung Đoàn 52 thuộc Sư Đoàn 18 BB đóng trú tại Xuân Lộc tỉnh Long Khánh.

Ngày 07 - 04 - 1972 trong khi giao tranh với địch ở chiến trường Lộc Ninh tỉnh Bình Long tôi đã bị địch bắt làm tù binh và bị giam giữ, đến ngày 15 - 02 - 73 được phóng thích theo hiệp định ngưng bắn. Ngày 15 - 9 - 1973 tôi được giải ngũ về đời sống dân sự.

Ngày 17 - 6 - 1981 tôi cùng gia đình đi Việt biển với ý định đi tìm cuộc sống tự do và triển vọng về tương lai tại Hoa Kỳ hoặc một quốc gia tự do nào khác, nhưng chúng tôi đã bị bắt, vợ và con tôi được tha vì con còn nhỏ, riêng tôi bị bắt giam và phải đi cải tạo 2 năm 3 tháng tại trại T579 Sông Bé, ngày 6 - 9 - 1983 tôi được tha về; đến năm 1985 tôi cùng gia đình lại ra đi với khát vọng tìm tự do và một lần nữa chúng tôi lại bị bắt giam 4 tháng tại Huyện Cần Long Tỉnh Cửu Long.

Gia đình tôi rất tha thiết và mong muốn được rời khỏi Việt Nam để đến sống sống ở một quốc gia mà tự do và nhân quyền được tôn trọng

và bảo đảm. Qua chương trình ODP này chúng tôi kính xin Quí vị với lòng nhân đạo giúp đỡ cứu xét cho chúng tôi được định cư tại Quý Quốc.

Trong khi chờ đợi sự cứu xét của quý vị, xin quý vị nhận nơi đây lòng mong đợi và biết ơn của chúng tôi.

Kính trình

Nguyễn Thái Bình.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

Đơn-vị { [illegible] / [illegible] }

BẢN TƯỚNG-MẠO và QUÂN-VỤ

CỦA [illegible] Số quân : 65/[illegible]

Trích lục theo Quân-bạ, lý-lịch của đương sự

HỘ - TỊCH	NHÂN DẠNG
Sinh ngày [illegible].1945 tại	Tóc
Quận	Mắt
Tỉnh Saigon	Trán
Nghề nghiệp [illegible]	Mũi
Con của Ông [illegible]	Khuôn mặt
và Bà [illegible]	
Ngụ tại 77/40/[illegible]	
Quận	
Tỉnh Saigon	Cao : 1 thước
Kết hôn ngày với cô	
Ngụ tại	Dấu tích đặc biệt :
Quận Tỉnh	
Giấy phép kết hôn của	

Nguyên lai binh nghiệp (1)

QUÂN-VỤ LIÊN TIẾP

- Thanh niên thuộc hạng 1965 được gọi nhập ngũ khóa 21 [illegible] Thủ-Đức theo tỉnh thần TL số 117-[illegible] ngày [illegible].61 của Tổng-Thống [illegible] được gọi phải trình diện tại TK hiệu [illegible] Saigon ngày [illegible].11.66 do Lệnh gọi số .... ngày.... của Phòng Tuyển Binh [illegible] 7/TT đến trình diện tại Saigon ngày [illegible].11.66 công vụ k/t ngày [illegible].

- [illegible] trường BB ngày 12.1[illegible].66 được hưởng lương và phụ cấp lương bổng theo cấp Trung-sĩ TS trật 1 k/t ngày 21.3.67 do [illegible] số 157/TNB/T.[illegible]/K[illegible]/[illegible] ngày [illegible].67 của CHT Trường BB. Nhân khóa trung tuyển được thăng cấp Chuẩn-úy 12 k/t ngày 1[illegible].9.67 do NĐ số 329/TT/NĐ đề ngày 1[illegible].7.67 của Tổng Tham mưu Thượng nguyên [illegible] của Trung-tướng [illegible] BB k/t ngày 19.4.67 do TLC số 9[illegible]4/TBB/T.[illegible]/K[illegible]/TC ngày [illegible].4.67 của Trường BB [illegible] đương-vị trung sĩ Liên danh khóa [illegible] k/t ngày [illegible].

- Thuyên đến TL/[illegible]/52 k/t ngày 16.9.67 do LTL số [illegible]/BCH/[illegible]/BB/KT ngày [illegible].67 của TBB [illegible]/BB được giữ chức vụ Trung-đội Trưởng Trung-đoàn [illegible]-3/[illegible]/52 k/t

(1) Ghi rõ nếu xuất thân ở các trường Võ-bị sau đây : Fréjus Phả lại, Tổng, Huế, Võ-Bị Liên-Quân Đà-Lạt Trừ-bị Thủ Đức, Võ-Bị Địa-Phương hay được thăng cấp nếu không xuất thân Quân Trường.

../.

MẪU 27.04.64 QĐ - 46 A

9.68. TTALAP. O. 514

ngày 01.10.67 và được hưởng phụ cấp chức vụ do [illegible] số 036/BCH/52/BB/[illegible] ngày 29.11.67 TBDS2/BB. Th/chuyển đến trường T/Tin để theo học khóa 1, TT Bình Đoàn k/t ngày 11.6.68 do LTC số 0170/BCH/52/BB đề ngày 11.6.68 của Trung-đoàn 52/BB. Th/chuyển về Đ/đ 3/52 sau khi mãn khóa 1,TT Bình Đoàn (BB/47) trở về đơn vị gốc k/t 20.9.68 do LTC số 0970/TTT/HC/TT/BV/PH ngày 20.9.68 của TTT.

- Truyền chuyển đến [illegible]/52 k/t ngày 16.10.68 do LTC số 0784/SQ1 k/t ngày 21.10.68 của Trung-đoàn 52/BB.

- Được chỉ định giữ chức vụ [illegible]/Tr/Tin Trung-đội Trưởng Tr/Đ T/Tin Tiểu-đoàn 4/52 k/t ngày 04.10.68 do TTT số 6476/BCH/5 /BB/81 ngày 10.10.68 của Trung-đoàn 52 Bộ Binh.

- Thuyên chuyển trở bị thực thụ k/t ngày 01.1.69 do [illegible] số 1/A T/[illegible] đề ngày [illegible] của Bộ TTT.

- [illegible].71 được thăng cấp Trung-úy BB thực thụ k/t ngày 01.1.71 do [illegible] số 213/TCB/[illegible] đề ngày 10.[illegible].71 của Tổng-Tham-mưu [illegible].

- 15.[illegible] th/chuyển đến [illegible] chỉ-huy công-vụ 52 k/t ngày 15.[illegible].71 do LTC số 1667/1/BH/BV/1 đề ngày 18.[illegible].72 của Trung-đoàn 52/BB.

- 16.[illegible] được bổ nhiệm giữ chức vụ [illegible]/tr/Tin Trung-đoàn 52 do k/t ngày 16.12.71 do TTT số 2871/BCH/[illegible]/BB/81/BV/1 đề ngày 01.1.72 của Trung-Đ Trung-đoàn Trưởng 52 BB.

- Được phép mang cấp hiệu [illegible] màu 4381 vĩnh-viễn do giấy chứng nhận số 1851/[illegible]/TT/TJT ngày 15.12.72 của Thiếu-Tướng TL/BQLA/BB. Chức vụ [illegible] Trung-đoàn 52 BB của [illegible] được bổ nhiệm k/t ngày 16.[illegible].71 do [illegible] số 2871/[illegible]/52/81/BB/1 ngày 01.1.72 của Trung-đoàn 52 BB được điều chỉnh lại bằng [illegible] số [illegible]17/BCH/52/81/BV/1 ngày 25.1.72 của Trung-Đ [illegible] Trưởng Tr/đoàn 52/BB.

- 17.4.72 mất tích tại tọa độ [illegible] thuộc quận [illegible] Bình-Long ngày 17.4.72 xảy ra trong khi giao tranh với Cộng quân [illegible] vì trận do tờ trình ủy khúc số [illegible]/BCH/52/BB/81/[illegible] ngày 17.4.72 của Trung-Đ Trung-đoàn Trưởng Tr/đoàn 52 BB. [illegible].72 xác tử trong số hiện danh đơn vị cùng ngày trên.

- 17.4.72 th/chuyển đến TTCP/TS (TS mất tích) k/t [illegible].72 do LTC số 5897/1/TS/BV ngày 2.5.72 của Tr/đoàn [illegible] BV. Bị [illegible] biết ngày 7.4.72 tại Bình-Long phòng thích tại [illegible] ngày 15.4.72 theo lệnh định ngưng bắn, được cấp vực phục vụ tạm thời do [illegible] 7140/TTTM/[illegible]/TC/4/BB ngày 23.4.72 của TTTM/[illegible] Miền tạm phục vụ thiệt thị trong [illegible] k/t từ ngày chấm thôi do [illegible] số 0126/TS/T[illegible]/BSV/[illegible]3/K ngày 23.4.73 của Bộ TTM. Lý do vì xem như không điều động trong một thời gian bị [illegible] bắt [illegible] xin trở về đơn vị cũ được hưởng [illegible] ngày phép có hưởng trước khi [illegible] thăm thân tại hiện hành. Thăng thiếu [illegible] thăng [illegible] k/t ngày 1[illegible].72 do [illegible] số 376/TBV/[illegible] ngày 12.[illegible].72 của Bộ TTM. Xóa tên trong số danh bộ [illegible] kể từ ngày trên. Khai tử [illegible] 7/10/72 tại Bình-Long Sài-Gòn.

NƠI NHẬN :

- [illegible] Tổng-Tham-mưu [illegible] số [illegible]/TTT/TH/T[illegible]/V ngày [illegible]
- [illegible] số 26/TTH/[illegible]/BB/[illegible] ngày [illegible].69
- [illegible] số [illegible]/[illegible]/BV/T[illegible]/A/[illegible] ngày 19.[illegible].70.

..../..

CHIẾN DỊCH	THƯƠNG TÍCH
[illegible]	
TUYÊN DƯƠNG CÔNG TRẠNG	**HUY CHƯƠNG**
	- [illegible] ngày [illegible].71. - [illegible] ngày [illegible].72. - [illegible] ngày [illegible].71.

Đã xem (1) :

Đại-Tá [illegible] NGỌC-BẢO
[illegible]-Trưởng
Trung-Tâm [illegible] Tri Trung-Ương
Thiếu-Tá [illegible]ỄN-VĂN-UYỂN
[illegible] Khối Quản-Trị

(1) [illegible]

KBC. 404 ngày 21 - 9 - 1973

Nhận thực :

Đại-Úy BÙI-TẤT [illegible]
Trưởng Ban Hồ-[illegible]

T - 149 LL (STT-51)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ TỔNG THAM MƯU/P.TQT
TRUNG TÂM QUAN TRI TRUNG ƯƠNG

CHỨNG CHỈ GIẢI NGŨ

Số: 006490/TTQTTƯ/TBB/GN/TSMT/1.

-CHỈ HUY TRƯỞNG TRUNG TÂM QUAN TRI TRUNG ƯƠNG

CHỨNG NHẬN

NGUYEN - THAI - BINH Cấp bậc Tr-Uy Số quân 65/I.5I.674

Sanh ngày 3I.08.I945 tại SAIGON

Con Ông NGUYEN VAN CHINH (S,C) và Bà HO THI NAM (S,C)

Nhập ngũ vào Quân-Lực Việt-Nam Cộng-Hòa ngày 3I tháng I0 năm I966

Được giải-ngũ ngày I5 tháng 09 năm I973

Do NĐ hay QĐ số: 378/TTM/ND ngày I2 tháng 05 năm I973

Của: (Cơ-quan, Đơn-vị) Bo Tong Tham Mưu/QLVNCH

Thâm niên quân-vụ: 06 năm I0 tháng I4 ngày

LÝ DO GIẢI NGŨ: (Đương sự nguyen bi dich bat lam tu binh, được phong-thich tap the theo hiep dinh ngưng ban va được giai-ngu theo đơn xin.

Địa-chỉ khai về cư-ngụ: 27/40/70 Đương Huynh-Tinh-Cua, SAIGON

Chữ ký đương-sự

Saigon, ngày 17 Th.9.1973
TL. Giám-Đốc Hòa Bình Chương
Thiếu-Tá NGUYỄN-THÁI-SANG
Đại Úy Phòng Nhân-Viên Quân-Sự
Thượng-Sĩ I TRẦN-VĂN-HẢO

KBC. 42.04, ngày 17 Th.9. 1973
Đại-Tá DƯƠNG-NGỌC-BẢO
CHỈ HUY TRƯỞNG TRUNG TÂM QUAN TRI TRUNG ƯƠNG

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA NHÀ HÒA BÌNH CHƯƠNG CỰU-CHIẾN-BINH

MẪU 01.02.72 QĐ 14-A (Ban hành QĐ 14 ngày 25.10.64) 8.72. TTALAP. O. 280 № 325337

BỘ NỘI VỤ
CÔNG AN TP. HỒ CHÍ MINH
Số 121/LT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

LỆNH THA

— Căn cứ vào quyết định số 201/CP ngày 20-8-1974 của Hội đồng Chính phủ.

— Căn cứ vào quyết định số 333/QĐ-UB ngày 14-12-1979 và quyết định số 38/QĐ-UB ngày 8-2-1980 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

— Xét đề nghị của Ông: Trưởng phòng Cảnh sát Quản lý và Cải tạo Phạm nhân.

Đối với NGUYỄN THÁI BÌNH

Can tội vượt biên

RA LỆNH THA

Họ, tên NGUYỄN THÁI BÌNH Sinh năm 1945

Nguyên quán Nà sơn Bình

Trú quán 21/40/70 huỳnh tịnh của phường 23 quận 3 Tp/HCM

Nghề nghiệp Công nhân

Bị bắt, ngày 17 tháng 06 năm 1981

Hiện đang cải tạo lao động tại 579

Được về làm ăn sinh sống tại nơi trú quán./.

Ông Trưởng phòng Cảnh sát Quản lý và Cải tạo Phạm nhân.

Ông Trưởng trại 579 chiếu lệnh thi hành.

Đương sự khi về địa phương phải trình diện Chính quyền Địa phương để quản lý và tiếp tục giáo dục.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 9 năm 1983

TUQ. Giám Đốc Công an TP. Hồ Chí Minh

PHÓ CHỦ NHIỆM THƯỜNG CMND

(đã ký)

THƯỢNG TÁ : ĐÀO CÔNG HIỆP

Ngày 02 tháng 09 năm 83
Căn cứ lệnh tha số 197
ngày 6 tháng 9 năm 83
của Giám Đốc Công an Thành phố Hồ Chí Minh quyết định xuất trại cho trại viên

Trưởng phòng Cảnh sát quản lý và Cải tạo phạm nhân

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Xác nhận

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

HỒ CHÍ MINH Ngày 23 tháng 9 năm 83
TRƯỜNG CA NH3 Q.5

Vũ Tất Thắng

NAM-PHẦN

ĐÔ-THÀNH SÀIGÒN

THÀNH-PHỐ SÀIGÒN

Bản số 4706

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM Một ngàn chín trăm bốn mươi lăm(1945)

Nhà in Ng-v-Việt. Saigon 1578-56 DT CI.

Tên, họ đứa con nít . . . Nom et prénoms de l'enfant	Nguyễn thái Bình
Nam hay nữ . . . . . Son sexe	masculin
Sanh ngày nào . . . . Date de sa naissance	le trente-et-un août mil neuf cent quarante-cinq à 7h
Sanh tại chỗ nào . . . Lieu de sa naissance	Saigon,89,boulevard Paul Bert
Tên, họ người cha . . . Nom et prénoms de son père	Nguyễn văn Chính
Làm nghề-nghiệp gì . . Sa profession	photographe
Nhà cửa ở đâu . . . . Son domicile	Saigon,II,rue Faucault
Tên, họ người mẹ . . . Nom et prénoms de sa mère	Hồ thị Năm
Làm nghề-nghiệp gì . . Sa profession	sans profession
Nhà cửa ở đâu . . . . Son domicile	Saigon,II,rue Faucault
Vợ chánh hay vợ thứ . . Son rang de femme mariée	premier rang

TRÍCH-LỤC Y BẢN CHÁNH TH/2

Sàigòn, ngày 29 tháng 12 năm 1956

T. U. N. ĐÔ-TRƯỞNG SÀIGÒN

PHÓ ĐÔ-TRƯỞNG SÀIGÒN,

Lưu văn Chiêu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020105526

Họ tên PHẠM THỊ LIÊN

Sinh ngày 20-11-1951

Nguyên quán Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú 305/19/18 Lê Văn-Sỹ, P.11, Q.I-B, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Thiên Chúa

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Sẹo chấm c,3cm dưới trước đuôi mắt trái

Ngày 1 tháng 11 năm 1987

TRƯỞNG TY CÔNG AN

Việt Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Phường .....

Huyện, Quận Bà .....

Tỉnh, Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu số HT12/P3

QĐ số

Ngày

Số 06

Quyển số 01

GIẤY CÔNG NHẬN KẾT HÔN

	CHỒNG	VỢ
Họ và tên	Nguyễn Văn Bình	Phạm Thị Liên
Bí danh		
Sinh ngày tháng năm hay tuổi	31 - 8 - 1945	20 - 11 - 1951
Dân tộc	Kinh	Kinh
Quốc tịch	Việt Nam	Việt Nam
Nghề nghiệp	công nhân	công nhân
Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú	27/đo/70 Huyện tỉnh Cà	27/đo/70 Huyện tỉnh Cà
Số giấy chứng minh nhân dân:	018432/CN	BV 004477/CN
hoặc hộ chiếu		

Đăng ký ngày 06 tháng 12 năm 1977

Người chồng ký

Người vợ ký

TM. U.B.N.D. Quận Bà

Huỳnh Văn Thành

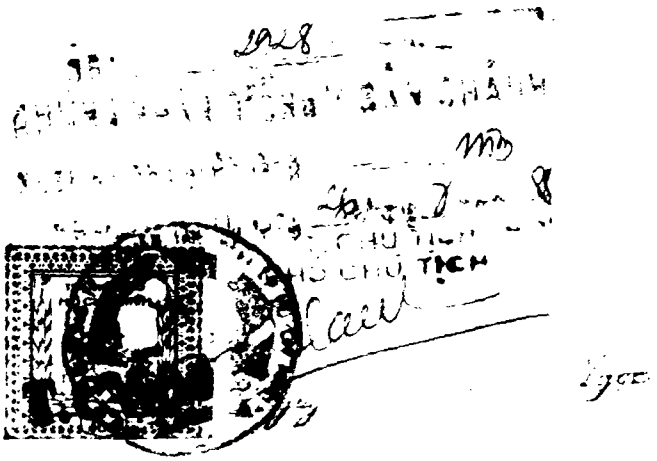

ỦY BAN NHÂN DÂN

Xã, Thị trấn _____

Thị xã, Quận _____

Thành phố, Tỉnh HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Mẫu HT 3/P3

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 3

Quyển số 1

Họ và Tên	Nguyễn thị Ngọc Mai	Nam, nữ Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 30 tháng 12 năm 1978	
Nơi sinh	20h Cổng quỳnh	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Nguyễn thái Bình 1945	Phạm thị Liên 1951
Dân tộc	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	
Nghề nghiệp	công nhân viên	công nhân viên
Nơi ĐKNK thường trú	27/40/70 Huỳnh tịnh của	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn thái Bình.	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 13 tháng 7 năm 1984

TL. ỦY BAN NHÂN DÂN

Đăng ký ngày 8 tháng I năm 1985

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Mẫu HT3/P3

Xã, Thị trấn Tam Tỉnh
Thị xã, Quận
Thành phố, Tỉnh HCM

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 201/1984
Quyển số 01/P-11

Họ và Tên	NGUYỄN NGỌC HUY	Nam, nữ Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 17 tháng 10 năm 1964	
Nơi sinh	BV Phụ Sản Quận 01	
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	NGUYỄN THẾ TÌNH 1935	PHAN THỊ LÂN 1951
Dân tộc	Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Công nhân viên	
Nơi ĐKNK thường trú	27/10/70 P.12 Q.03	305/19/18 NVT P.11 TB
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thái Hòa	

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH
Ngày 25 *tháng* 3 *năm* 1993
TM/UBND Quận TB ký tên đóng dấu

PHÓ VĂN PHÒNG

TRẦN NGỌC KHÁNH

Đăng ký ngày 24 *tháng* 10 *năm* 1984
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Đã ký)
Nguyễn [illegible]

T.p. Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 7 năm 1988

Kính thưa Bà!

Qua người bạn tôi có được địa chỉ của Bà và biết Bà là người rất tốt và có nhiều nhiệt tình trong việc chuyển giúp các hồ sơ trong chương trình ODP, Hôm nay tôi xin mạn phép viết thư này gửi đến Bà.

Thưa Bà! tôi là một sĩ quan trong Quân lực Việt Nam Cộng Hoà mang cấp bậc Trung-Úy, Số quân 65/131.634, thời gian phục vụ trong quân đội là 6 năm 10 tháng 14 ngày. Tháng 04 năm 1972 trong một cuộc giao tranh với địch, tôi đã bị địch bắt làm tù binh 10 tháng 8 ngày, 15-9-1973 tôi được giải ngũ, sau khi giải ngũ tôi vào làm việc ở một Ngân Hàng tư (Đông Phương Ngân Hàng). Sau ngày đất nước bị giải phóng vì là người của chế độ cũ nên tôi bị cho nghỉ việc, năm 1981 tôi và gia đình đi vượt biên vì không may nên chúng tôi đã bị bắt và bị giam 02 năm 3 tháng tại trại T579 Sông Bé, năm 1985 tôi cùng gia đình (vợ và 2 con nhỏ) lại ra đi lần nữa và lần này chúng tôi cũng bị bắt và bị giam 4 tháng tại Huyện Cần Long tỉnh Cửu Long.

Với lòng mong muốn ra đi đến một đất nước tự Do nhưng qua nhiều lần thử thách chúng tôi đã thất bại và hoàn toàn không còn phương tiện nữa; hiện nay chúng tôi chỉ còn trông chờ ở chương trình ODP này. Vậy chúng tôi kính xin Bà vui lòng xem xét và chuyển giúp hồ sơ của chúng tôi, ngõ hầu chúng tôi được sớm cứu xét cho định cư ở một đất nước tự do.

Với nhiệt tâm giúp đỡ của Bà chúng tôi rất hy vọng sẽ được ra đi và tiếp tục con cái chúng tôi sẽ sáng lạn.

Chúng tôi chân thành biết ơn và trân trọng kính chào Bà./.

Kính-Thư

Nguyễn Thái Bình

FROM: Nguyễn Thái Bình
305/19/18 Lê văn Sĩ
Phường 11 Quận Tân Bình

VIET NAM
5773
BUU CHINH

TP HO CHI MINH
26.7.88
700000

To: Mrs. Khúc Minh Thơ.
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
WA 22205 - 0635 U.S.A.

PAR AVION VIA AIR MAIL

NOI

C O N T R O L

_____ Card
X Doc.Request;Form 4/17/89
_____ Release Order
_____ Computer
_____ Form ''D''
_____ ODP/Date _____
_____ Membership;Letter